

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 404 /STC-HCSN

V/v: Xét duyệt, thẩm định quyết
toán thu chi NSNN năm 2020 đối
với các ĐVDT thuộc tỉnh quản lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị dự toán thuộc tỉnh quản lý

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh về việc quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách năm của đơn vị dự toán cấp I và thời gian xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 của Bộ Tài chính về công tác khóa sổ kế toán niên độ 2019 trên tabmis và xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2019 sang năm 2020 và các năm sau.

Căn cứ công văn số 7171/KBNN-KTNN ngày 17/12/2020 của KBNN về hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2020 trên hệ thống tabmis.

Căn cứ công văn số 7075/STC-QLNS.TTK ngày 31/12/2020 của Sở Tài chính về khóa sổ kế toán niên độ 2020 trên tabmis và xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị lập, hoàn thiện hồ sơ báo cáo quyết toán năm 2020 và sắp xếp thời gian theo lịch để thẩm định quyết toán như sau:

I. Nội dung xét duyệt, thẩm định quyết toán năm 2020:

Việc xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt, thẩm định quyết toán đối với các đơn vị dự toán được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 và quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018. Trong đó, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đối với các cơ quan QLNN:

- Các cơ quan có thu phí, lệ phí: Kiểm tra kết quả thực hiện và tình hình sử dụng số tiền phí, lệ phí thu được. Kiểm tra việc huy động để thực hiện chế độ tiền lương tăng thêm theo quy định.

- Kiểm tra việc thực hiện các khoản chi theo dự toán giao đầu năm, các khoản chi bổ sung nghiệp vụ, bổ sung mua sắm, sửa chữa TSCĐ, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trung ương và chương trình mục tiêu địa phương.

Đối với các hoạt động nghiệp vụ đặc thù đã giao kinh phí thực hiện tự chủ; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên nếu không thực hiện nhiệm vụ đã giao, không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc, hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì phần kinh phí chênh lệch không được xác định là kinh phí tiết kiệm và phải nộp trả NSNN phần kinh phí không thực hiện.

- Đánh giá tỷ lệ chi tiền lương/hoạt động nghiệp vụ, đánh giá một số nội dung chi có tỷ trọng lớn.

- Kết quả thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP: Xác định rõ số kinh phí tiết kiệm được (tiết kiệm chi quỹ lương, tiết kiệm các khoản chi khác); phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí (do tiết kiệm biên chế, do nguyên nhân khác).

Đối với các nhiệm vụ đặc thù đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên cần đánh giá rõ các nhiệm vụ đặc thù, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện (dự toán giao, khối lượng, chất lượng công việc thực hiện); các nhiệm vụ đặc thù, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong (tên nhiệm vụ, dự toán giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện).

Kiểm tra việc phân phối, sử dụng kinh phí tiết kiệm được theo quy định tại Khoản 7, Điều 3, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp:

- Xác định tình hình thực hiện các tiêu chí phân bổ ngân sách: Số học sinh, sinh viên, đối tượng xã hội có mặt bình quân thực hiện so với chỉ tiêu giao; số giường bệnh thực tế; biên chế, lao động hợp đồng hiện có mặt...

- Tình hình thu sự nghiệp, dịch vụ:

+ Xác định tổng số thu phí; Số tiền phải trích để thực hiện tiền lương mới theo quy định, số đã trích, số còn lại phải trích

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo: Xác định tổng số học sinh, sinh viên thực hiện bình quân; số học sinh, sinh viên được miễn, giảm học phí; dự toán kinh phí được cấp bù, số đã cấp; Số học sinh phải nộp học phí, dự toán kinh phí thu học phí, thực hiện thu (tăng, giảm, nguyên nhân);

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế: Số thực thu về viện phí, bảo hiểm y tế;

+ Hoạt động dịch vụ khác: Xác định rõ loại dịch vụ và kết quả hoạt động dịch vụ: Doanh thu, chi phí, chênh lệch thu, chi hoạt động dịch vụ; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước theo pháp luật, số tiền trích 40% để thực hiện

chính sách tiền lương mới...., việc phân phối chênh lệch thu, chi theo quy định...

- Đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ cần tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao (khối lượng và chất lượng công việc đã hoàn thành, tình hình thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặc thù...); việc xác định mức thu đối với các dịch vụ công; xác định số kinh phí tiết kiệm được, phân tích nguyên nhân tiết kiệm. Trên cơ sở đó, rút ra những khó khăn còn tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo cơ chế tự chủ tài chính và đề xuất kiến nghị.

Kiểm tra việc phân phối kết quả tài chính theo đúng trình tự đã được quy định tại điều 12, 13, 14 và điều 15 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục mua sắm, sửa chữa TSCĐ; tình hình quản lý và sử dụng tài sản tại các đơn vị.

- Về thực hiện chi NSNN:

Tập trung kiểm tra, xác định kết quả thực hiện các khoản chi bổ sung đặc thù đã giao trong dự toán và các khoản bổ sung trong năm, các khoản chi cho lao động hợp đồng, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trung ương và mục tiêu địa phương. Trên cơ sở đó đánh giá việc sử dụng kinh phí có đúng mục đích, có hiệu quả hay không?

Các khoản chi đặc thù ở một số lĩnh vực cụ thể cần chú ý:

+ Ngành giáo dục, đào tạo: Chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên: chi phí học tập, chế độ học sinh khuyết tật, học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, chi trả học bổng khen thưởng học sinh, sinh viên...; chế độ dạy thêm giờ, dạy thay; chế độ ưu đãi đối với giáo viên...

+ Ngành y tế: Chi phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật;

+ Khối văn hóa, thể thao, du lịch phát thanh truyền hình:

Đối với các đơn vị biểu diễn nghệ thuật: Xác định tổng số buổi biểu diễn trên địa bàn tỉnh, trong đó: số buổi biểu diễn phục vụ chính trị không thu tiền; Doanh thu và chi phí biểu diễn; Chi trả chế độ thanh sắc...;

Chi chế độ dinh dưỡng tập luyện thi đấu của HLV thể thao, VĐV có thành tích cao;

Đối với các đơn vị văn hóa, phát thanh truyền hình khác: Kiểm tra các khoản chi theo đặc thù, chi theo đề án, dự án của từng đơn vị; thu-chi hoạt động quảng cáo của đài phát thanh truyền hình.

+ Khối đảm bảo xã hội: Chi chế độ đối với các đối tượng nuôi dưỡng tập trung: Tiền ăn, tiền thuốc, quần áo...

3. Đối với các Hội, đoàn thể:

Tập trung kiểm tra việc thực hiện dự toán các khoản chi bổ sung nghiệp vụ ngoài định mức, bổ sung mua sắm, sửa chữa TSCĐ, Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trung ương và mục tiêu địa phương.

4. Kiểm tra một số nội dung khác (đối với tất cả các đơn vị dự toán):

4.1 Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và thanh toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 25/12/2019.

4.2 Thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, xét duyệt hoặc thẩm định quyết toán.

4.3 Kết luận và xử lý các vấn đề phát sinh trong quyết toán thu, chi thường xuyên từ nguồn NSNN, thu dịch vụ và thu khác của đơn vị.

4.4 Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ theo các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

II. Các báo biểu, hồ sơ phải nộp để xét duyệt, thẩm định:

Bao gồm các biểu quy định tại Quyết định số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và các thông tư hướng dẫn

1. Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tình hình tài chính (Biểu số B01/BCTC).
- Báo cáo kết quả hoạt động (Biểu số B02/BCTC).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp) (Biểu số B03a/BCTC).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp) (Biểu số B03b/BCTC).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Biểu số B04/BCTC).

2. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động

- Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Biểu số B01/BCQT).
- Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại (Biểu số F01-01/BCQT)
- Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án (Biểu số F01-02/BCQT)
- Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính (Biểu số B02/BCQT)

Riêng đối với đơn vị dự toán cấp I tổng hợp theo biểu mẫu số 69 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Thuyết minh báo cáo quyết toán (Biểu số B03/BCQT).

3. Các báo cáo khác:

- Báo cáo theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính:

- + Báo cáo số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp được chuyển nguồn sang năm sau theo mẫu biểu số 58

+ Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau theo hình thức rút dự toán theo mẫu số 59

+ Báo cáo quyết toán chi chương trình mục tiêu mục lục NSNN năm 2020 theo mẫu biểu số 65

+ Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm 2020 theo mẫu biểu số 66

+ Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau theo mẫu biểu số 70

- Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm 2020 (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước) theo mẫu biểu số 75 quy định tại Nghị quyết số 343/2017/NQ-UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Báo cáo chi tiết chi từ nguồn thu dịch vụ, nghĩa vụ nộp NSNN...

- Báo cáo nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tại đơn vị.

- Báo cáo tăng giảm TCSĐ, khấu hao (hao mòn) TCSĐ, kiểm kê TCSĐ, kiểm kê hàng hóa vật tư tồn kho đến 0 giờ ngày 01/01/2021.

Trong đó, báo cáo nguồn hình thành TCSĐ: Mua từ nguồn NS, nguồn dịch vụ, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp...

- Báo cáo tự kiểm tra tài chính kế toán năm 2020 của đơn vị theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ (đối với các cơ quan hành chính); Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ (đối với các đơn vị sự nghiệp).

- Báo cáo kết quả thực hiện công khai tài chính năm 2020 theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo: báo cáo quyết toán kinh phí cấp bù học phí và chi phí học tập theo Nghị định 86; hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường PT ở xã, thôn BDKK; kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC; Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định 53...(nếu có);

Các hồ sơ khác có liên quan như hồ sơ mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...và Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị.

III. Thời gian, địa điểm và thành phần tham gia xét duyệt, thẩm định quyết toán:

1. Thành phần tham gia:

- Đối với các Sở Y tế, Giáo dục đào tạo, Văn hóa thể thao-du lịch, Lao động thương binh xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Tư pháp, Đài Phát thanh truyền hình: Mời lãnh đạo và đại diện Phòng KH-TC phối hợp với Sở Tài chính tham gia xét duyệt quyết toán cho các đơn vị trực thuộc.

- Đối với đơn vị được xét duyệt, thẩm định quyết toán: Thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đơn vị, kế toán tổng hợp.

- Đối với Sở Tài chính: Lãnh đạo và chuyên viên Phòng TC-HCSN, phòng TCDN và chính sách phát triển kinh tế

2. Thời gian và địa điểm:

2.1. Thời gian:

- Buổi sáng: 8 giờ

- Buổi chiều: 13 giờ 30 phút

2.2. Địa điểm: Tại văn phòng Sở Tài chính hoặc tại các đơn vị theo lịch gửi kèm.

Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng các đơn vị dự toán chỉ đạo bộ phận kế toán khẩn trương hoàn tất việc khóa sổ kế toán, lập báo cáo quyết toán năm 2020 đầy đủ, đúng mẫu biểu và nộp về Sở Tài chính trước ngày 10/02/2021 để công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán đúng thời gian theo lịch đã sắp xếp.

Đơn vị dự toán không gửi báo cáo quyết toán năm đúng quy định, Sở Tài chính sẽ thông báo KBNN tạm thời dừng thanh toán kinh phí cho đơn vị theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Luật NSNN và Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 342/2016/TT-BTC, cho đến khi nhận được báo cáo quyết toán; đồng thời Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc; các PGĐ;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Mạnh Quân



LỊCH XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NĂM 2020
KHỐI ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số: /STC-HCSN ngày /1/2021 của Sở Tài chính Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Thời gian Quyết toán			
		Thứ	Ngày	Buổi	Địa điểm
1	Trung tâm bồi dưỡng cán bộ TTN	Thứ 2	15/3/2021	sáng	Sở Tài chính
2	Trường cao đẳng nông lâm	Thứ 2	15/3/2021	chiều	Sở Tài chính
3	Trung tâm giáo dục quốc tế	Thứ 5	01/4/2021	sáng	Sở Tài chính
4	Trường Cao đẳng y tế	Thứ 2-3	5-6/4/2021	cả ngày	Tại đơn vị
5	Trường ĐH Hồng Đức	Thứ 5-6	8-9/4/2021	cả ngày	Tại đơn vị
6	Trường ĐH Văn hóa TT và DL	Thứ 7	17/4/2021	cả ngày	Tại đơn vị
7	Phân hiệu đại học y	Thứ 2	19/4/2021	sáng	Sở Tài chính
8	Trung tâm bồi dưỡng cán bộ TTN	Thứ 2	19/4/2021	chiều	Sở Tài chính
9	Trường Chính trị tỉnh	Thứ 7	24/4/2021	cả ngày	Tại đơn vị

